

(Mẫu này dành cho giáo viên)

| | | |
|--|--|--------|
| PHÒNG GD&ĐT NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS LÊ VĂN TÂM TỔ: TỰ NHIÊN | KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC - NĂM HỌC 2023-2024 MÔN SINH HỌC LỚP: 9 | Mẫu 1b |
|--|--|--------|

I. Thông tin:

1. Tổ trưởng: Đỗ Hồng Bảo Thiên 2. Nhóm trưởng chuyên môn: Dương Thị Vi

II. Kế hoạch cụ thể:

HOC KÌ I

Từ tuần 1 đến tuần 18 (thực học)

| Tuần | Tiết | Tên chủ đề/Bài học | | Nội dung/Mạch kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Hình thức tổ chức dạy học |
|------|------|-----------------------------------|-------------------------------|--|--|---------------------------|
| (1) | (2) | (3) | | (4) | (5) | (6) |
| 1 | 1 | Bài 1: Mendel và di truyền học | | I. Di truyền học. II. Mendel – người đặt nền móng cho Di truyền học. III. Một số thuật ngữ và kí hiệu cơ bản của Di truyền học | - Trình bày được mục đích, nhiệm vụ và ý nghĩa của DTH. - Giới thiệu Mendel là người đặt nền móng cho Di truyền học. - Hiểu được phương pháp phân tích các thế hệ lai của Mendel, ghi nhớ một số thuật ngữ và kí hiệu DTH. | Dạy học trên lớp |
| 1 | 2 | Chủ đề: Lai một cặp tính trạng | Bài 2: Lai một cặp tính trạng | I. Thí nghiệm của Mendel II. Giải thích kết quả thí nghiệm của Mendel | - HS trình bày và phân tích được thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Mendel. - Nêu được các khái niệm kiểu hình, tính trạng trội, tính trạng lặn. Phát biểu được nội dung quy luật phân li. - Giải thích được kết quả TN theo quan niệm của Mendel | Dạy học trên lớp |

| | | | | | | |
|---|---|--------------------------|---|--|--|------------------|
| 2 | 3 | | Bài 3: Lai một cặp tính trạng (tiếp theo) | III. Lai phân tích IV. Ý nghĩa của tương quan trội - lặn | - Trình bày được nội dung, mục đích và ứng dụng của các phép lai phân tích - Giải thích được vì sao quy luật phân li chỉ nghiệm đúng trong những điều kiện nhất định. - Nêu được ý nghĩa của quy luật phân li đối với lĩnh vực sản xuất. | Dạy học trên lớp |
| 2 | 4 | | Bài 4: Lai hai cặp tính trạng | I. Thí nghiệm của Mendel. II. Biến dị tổ hợp | - Mô tả được thí nghiệm lai hai cặp tính trạng của Mendel. - Biết phân tích kết quả lai 2 cặp tính trạng của Mendel. - Hiểu và phát biểu được nội dung qui luật phân li độc lập của Mendel. - Nhận biết được biến dị tổ hợp xuất hiện trong phép lai hai cặp tính trạng của Mendel và giải thích được khái niệm biến dị tổ hợp. | Dạy học trên lớp |
| 3 | 5 | | Bài 5: Lai hai cặp tính trạng (tiếp theo) | III. Men Đen giải thích kết quả thí nghiệm IV. Ý nghĩa của quy luật phân li độc lập | - HS giải thích được kết quả lai hai cặp tính trạng theo quan điểm của Mendel. - Phân tích được ý nghĩa của quy luật phân li độc lập đối với chọn giống và tiến hoá. | Dạy học trên lớp |
| 3 | 6 | | Bài 7: Bài tập chương I | I. Lai một cặp tính trạng II. Lai hai cặp tính trạng | - Củng cố, khắc sâu và mở rộng nhận thức về các quy luật di truyền. - Vận dụng phương pháp giải bài tập về hai quy luật Men Đen, từ đó có thể giải nhanh các bài tập về hai quy luật này dưới dạng trắc nghiệm. | Dạy học trên lớp |
| 4 | 7 | | Bài 8: Nhiễm sắc thể | I. Tính đặc trưng của bộ nhiễm sắc thể II. Cấu trúc của nhiễm sắc thể III. Chức năng của nhiễm sắc thể | - HS nêu được tính đặc trưng của bộ NST ở mỗi loài. - Mô tả được cấu trúc hiển vi điển hình của NST ở kì giữa của nguyên phân. - Hiểu được chức năng của NST đối với sự di truyền các tính trạng. | Dạy học trên lớp |
| 4 | 8 | Chủ đề: Cơ chế di truyền | Bài 9: Nguyên phân | I. Những diễn biến cơ bản của NST trong quá trình nguyên phân. II. Ý nghĩa của nguyên phân | - Trình bày được những biến đổi cơ bản của NST qua các kì của nguyên phân. - Phân tích ý nghĩa của nguyên phân đối với sự sinh sản | Dạy học trên lớp |
| 5 | 9 | | Bài 10: Giảm | III. Những diễn | - Trình bày được những diễn biến cơ bản của NST qua các kì | Dạy học |

| | | | | | | |
|---|----|---|------|--|---|------------------|
| | | ở cấp độ tế bào | phân | biến cơ bản của NST trong giảm phân I IV. Những diễn biến cơ bản của NST trong giảm phân II | của giảm phân I và giảm phân II. - Nêu được những điểm khác nhau của từng kì ở giảm phân I và II. | trên lớp |
| 5 | 10 | Bài 11: Phát sinh giao tử và thụ tinh. | | I. Sự phát sinh giao tử II. Thụ tinh III. ý nghĩa của giảm phân và thụ tinh. | - Hiểu quá trình phát sinh giao tử ở động vật. Điểm giống và khác nhau giữa quá trình phát sinh giao tử đực và cái, bản chất của quá trình thụ tinh. - Phân tích được ý nghĩa của các quá trình giảm phân và thụ tinh về mặt di truyền và biến dị. | Dạy học trên lớp |
| 6 | 11 | Bài 12: Cơ chế xác định giới tính | | I. Nhiễm sắc thể giới tính II. Cơ chế NST xác định giới tính III. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính | - Mô tả được một số đặc điểm của NST giới tính. - Trình bày được cơ chế xác định NST giới tính ở người. - Phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sự phân hoá giới tính. - Vận dụng chủ động điều chỉnh tỉ lệ đực cái phù hợp mục đích sản xuất | Dạy học trên lớp |
| 6 | 12 | Bài 13: Di truyền liên kết | | I. Thí nghiệm của Moocgan II. Ý nghĩa của di truyền liên kết | - Hiểu được những ưu thế của ruồi giấm đối với nghiên cứu DT. - Mô tả và giải thích được thí nghiệm của Moocgan. Nêu được ý nghĩa của di truyền liên kết, đặc biệt trong lĩnh vực chọn giống. | Dạy học trên lớp |
| 7 | 13 | Bài 14: Thực hành: Quan sát hình thái Nhiễm sắc thể | | - Học sinh nhận biết được hình dạng NST ở các kì. - Biết cách chọn và quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi. | - Nhận biết được hình dạng NST ở các kì. - Biết cách chọn và quan sát tiêu bản dưới kính hiển vi. | Phòng bộ môn |
| 7 | 14 | Bài 15: ADN | | I. Cấu tạo hoá học của phân tử ADN II. Cấu trúc không gian của phân tử ADN | - Trình bày được thành phần hoá học của ADN đặc biệt là tính đặc thù và đa dạng của nó. - Mô tả được cấu trúc không gian của ADN chú ý tới nguyên tắc bổ sung của các cặp nuclêôtit. | Dạy học trên lớp |

| | | | | | |
|----|----|---|---|--|------------------|
| 8 | 15 | Bài 16: ADN và bản chất của gen | <p>I. Những nguyên tắc tự nhân đôi của ADN</p> <p>II. Bản chất của gen</p> <p>III. Chức năng của ADN</p> | <p>- HS nêu được cơ chế tự nhân đôi của ADN diễn ra theo nguyên tắc bổ sung, bán bảo toàn.</p> <p>- Nêu được ý nghĩa của quá trình tự nhân đôi.</p> <p>- Nêu được bản chất hoá học của gen là ADN và chức năng của nó: mang thông tin di truyền, truyền đạt thông tin di truyền.</p> | Dạy học trên lớp |
| 8 | 16 | Bài 17: Mối quan hệ giữa gen và ARN | <p>I. ARN</p> <p>II. Nguyên tắc tổng hợp ARN</p> | <p>- Trình bày được cấu tạo ARN. Nêu các loại ARN và chức năng của chúng.</p> <p>- Phân biệt được ARN và ADN</p> <p>- Biết được sự tạo thành ARN dựa trên mạch khuôn của gen và diễn ra theo nguyên tắc bổ sung.</p> | Dạy học trên lớp |
| 9 | 17 | Bài 18: Prôtêin | <p>I. Cấu trúc của prôtêin.</p> <p>II. Chức năng của prôtêin</p> | <p>- Nêu được thành phần hoá học của prôtêin phân tích được tích tính đặc thù và đa dạng của nó</p> <p>- Mô tả được các bậc cấu trúc của prôtêin và hiểu được vai trò của nó</p> <p>- Trình bày được các chức năng của prôtêin</p> | Dạy học trên lớp |
| 9 | 18 | Ôn tập | <p>- Hệ thống hoá kiến thức</p> <p>- Câu hỏi ôn tập</p> | Nhằm củng cố, khắc sâu kiến thức cho HS | Dạy học trên lớp |
| 10 | 19 | Kiểm tra giữa kì I | <p>- Đề</p> <p>- Ma trận</p> <p>- Đáp án</p> | - Kiểm tra. Đánh giá kết quả học tập của HS | Dạy học trên lớp |
| 10 | 20 | Bài 19: Mối quan hệ giữa gen và tính trạng | <p>I. Mối quan hệ giữa ARN và prôtêin</p> <p>II. Mối quan hệ giữa gen và tính trạng</p> | <p>- Trình bày được mối quan hệ giữa ARN và prôtêin thông qua sự hình thành chuỗi axit amin.</p> <p>- Phân tích được mối quan hệ giữa gen và tính trạng thông qua sơ đồ: gen → ARN → Prôtêin → Tính trạng.</p> | Dạy học trên lớp |
| 11 | 21 | Bài 20: Thực hành - Quan sát và lắp ráp mô hình ADN | <p>I. Quan sát mô hình cấu trúc không gian của phân tử ADN</p> <p>II. Lắp ráp mô hình cấu trúc không gian của phân tử ADN</p> | <p>- Củng cố kiến thức về cấu trúc không gian của ADN.</p> <p>- Học sinh biết cách quan sát và tháo lắp được mô hình ADN.</p> | Phòng bộ môn |

| | | | | | | |
|----|----|--------------------------------|--|--|---|------------------|
| 11 | 22 | Bài 21: Đột biến gen. | | I. Đột biến gen II. Nguyên nhân phát sinh đột biến gen III. Vai trò của đột biến gen | - Trình bày được khái niệm và các dạng đột biến gen. - Nêu được nguyên nhân phát sinh đột biến gen. - Trình bày được tính chất biểu hiện và vai trò của đột biến gen đối với sinh vật và con người. | Dạy học trên lớp |
| 12 | 23 | Chủ đề: Đột biến nhiễm sắc thể | Bài 22: Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể. | I. Đột biến cấu trúc NST II. Nguyên nhân phát sinh và tính chất của đột biến cấu trúc NST | - Trình bày được khái niệm và các dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể - Giải thích được nguyên nhân và tính chất của chúng. | Dạy học trên lớp |
| 12 | 24 | | Bài 23: Đột biến số lượng nhiễm sắc thể. | I. Thể dị bội II. Sự phát sinh thể dị bội | - Nêu được các biến đổi số lượng thường thấy ở một cặp NST, cơ chế hình thành thể $(2n + 1)$ và thể $(2n - 1)$. - Nêu lên hậu quả của biến đổi số lượng ở từng cặp NST. | Dạy học trên lớp |
| 13 | 25 | | Bài 24: Đột biến số lượng nhiễm sắc thể (tiếp theo). | III. Hiện tượng đa bội thể IV. Ứng dụng | - Phân biệt được hiện tượng đa bội thể và thể đa bội. - Nêu được khái niệm thể đa bội. - Nhận biết được một số thể đa bội | Dạy học trên lớp |
| 13 | 26 | | Bài 26: Thực hành - Nhận biết một vài dạng đột biến | I. Nhận biết các đột biến gen gây ra biến đổi hình thái II. Nhận biết các đột biến cấu trúc NST III. Nhận biết một số kiểu đột biến số lượng NST | - Nhận biết 1 số đột biến hình thái ở thực vật và phân biệt sự sai khác về hình thái của thân, lá, hoa, quả, hạt giữa thể lưỡng bội và thể đa bội trên tranh, ảnh. - Nhận biết được một số hiện tượng mất đoạn NST trên ảnh chụp hoặc trên tiêu bản hiển vi. | Dạy học trên lớp |
| 14 | 27 | Bài 25: Thường biến. | | I. Sự biến đổi kiểu hình do tác động của môi trường II. Mối quan hệ giữa kiểu gen, môi trường và kiểu hình III. Mức phản ứng | - Nêu được khái niệm thường biến. Phân biệt sự khác nhau giữa thường biến với đột biến - Nêu được khái niệm mức phản ứng và ý nghĩa của nó trong chăn nuôi và trồng trọt. - Trình bày được ảnh hưởng của môi trường sống với tính trạng số lượng và mức phản ứng của chúng. | Dạy học trên lớp |

| | | | | | |
|----|----|--|---|---|------------------|
| 14 | 28 | Bài 27: Thực hành - Quan sát thường biến. | <p>I. Nhận biết một số thường biến</p> <p>II. Phân biệt thường biến</p> <p>III. Nhận biết ảnh hưởng của môi trường đối với tính trạng số lượng & chất lượng</p> | <p>- Nhận biết một số thường biến phát sinh ở một số đối tượng thường gặp qua tranh, ảnh và mẫu vật sống.</p> <p>- Qua tranh, ảnh HS phân biệt sự khác nhau giữa thường biến và đột biến.</p> | Dạy học trên lớp |
| 15 | 29 | Bài 28: Phương pháp nghiên cứu di truyền người | <p>I. Nghiên cứu phả hệ</p> <p>II. Nghiên cứu trẻ đồng sinh</p> | <p>- Trình bày được phương pháp nghiên cứu phả hệ để phân tích một vài tính trạng hay đột biến ở người.</p> <p>- Phân biệt được sinh đôi cùng trứng và sinh đôi khác trứng. Ý nghĩa của phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh.</p> | Dạy học trên lớp |
| 15 | 30 | Bài 29: Bệnh và tật di truyền ở người. | <p>I. Một vài bệnh di truyền ở người</p> <p>II. Một số tật di truyền ở người</p> <p>III. Các biện pháp hạn chế phát sinh tật, bệnh di truyền</p> | <p>- Học sinh nhận biết được bệnh Đào và bệnh Tơcnơ qua các đặc điểm hình thái.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm di truyền của bệnh bạch tạng, bệnh câm điếc bẩm sinh và tật 6 ngón tay.</p> <p>- Trình bày được các nguyên nhân của các tật bệnh di truyền và đề xuất được 1 số biện pháp hạn chế phát sinh chúng.</p> | Dạy học trên lớp |
| 16 | 31 | Bài 30: Di truyền học với con người. | <p>I. Di truyền y học tư vấn</p> <p>II. Di truyền học với hôn nhân và kế hoạch hoá gia đình</p> <p>III. Hậu quả di truyền do ô nhiễm môi trường</p> | <p>- Học sinh hiểu được di truyền học tư vấn là gì và nội dung của lĩnh vực này.</p> <p>- Giải thích được cơ sở di truyền học của việc cấm nam giới lấy nhiều vợ và nữ giới lấy nhiều chồng. Cấm những người có quan hệ huyết thống trong vòng 4 đời kết hôn với nhau.</p> | Dạy học trên lớp |
| 16 | 32 | Bài 31: Công nghệ tế bào | <p>I. Khái niệm công nghệ tế bào</p> <p>II. Ứng dụng công nghệ tế bào</p> | <p>- HS hiểu được công nghệ tế bào là gì? Trình bày được công nghệ tế bào gồm những công đoạn chủ yếu nào và hiểu được tại sao cần thực hiện các công đoạn đó.</p> <p>- Trình bày được những ưu điểm của nhân giống vô tính trong ống nghiệm và phương hướng ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô và tế bào trong chọn giống.</p> | Dạy học trên lớp |

| | | | | | |
|----------|----------|------------------------|--|---|------------------|
| 17 | 33 | Bài 32: Công nghệ gen. | <p>I. Khái niệm kĩ thuật gen và công nghệ gen</p> <p>II. Ứng dụng công nghệ gen</p> <p>III. Khái niệm công nghệ sinh học</p> | <p>- HS hiểu được kĩ thuật gen là gì và trình bày các khâu của kĩ thuật.</p> <p>- Hiểu được khái niệm công nghệ gen, công nghệ sinh học.</p> <p>- Trình bày được các lĩnh vực chính của công nghệ sinh học hiện đại và vai trò của từng lĩnh vực trong sản xuất đời sống.</p> | Dạy học trên lớp |
| 17 18 | 34 35 | Ôn tập học kì I | <p>I. Hệ thống hóa kiến thức</p> <p>II. Trả lời câu hỏi BT</p> | Hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản (từ chương I đến chương V). | Dạy học trên lớp |
| 18 | 36 | Kiểm tra cuối học kì I | <p>- Đề</p> <p>- Ma trận</p> <p>- Đáp án</p> | <p>- Kiểm tra. Đánh giá kết quả học tập của HS</p> <p>- Rèn kỹ năng tư duy, thu thập thông tin, khái quát hóa, hệ thống hóa các kiến thức, vận dụng kiến thức vào thực tế để giải thích các hiện tượng liên quan, rèn kỹ năng làm bài bằng phương pháp trắc nghiệm và tự luận.</p> <p>- Giáo dục thái độ học tập nghiêm túc, chính xác, trung thực, ý nghĩa rèn luyện cơ thể, bảo vệ sức khỏe sau 1 thời gian tìm hiểu học tập bộ môn cơ thể người và vệ sinh</p> | Dạy học trên lớp |

HỌC KỲ II
Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học)

| Tuần (1) | Tiết (2) | Tên chủ đề/Bài học (3) | Nội dung/Mạch kiến thức (4) | Yêu cầu cần đạt (6) | Hình thức tổ chức dạy học (7) |
|---------------------|---------------------|---|---|---|--|
| 19 | 37 | Bài 34. Thoái hóa do tự thụ phấn và do giao phối gần. | I. Hiện tượng thoái hóa giống II. Nguyên nhân của sự thoái hóa III. Vai trò của TTP và GPG trong chọn giống | - Học sinh hiểu và trình bày được nguyên nhân thoái hóa của tự thụ phấn bắt buộc ở cây giao phấn và giao phối gần ở động vật, vai trò của 2 trường hợp trên trong chọn giống. | Dạy học trên lớp |
| 19 | 38 | Bài 35. Ưu thế lai | I. Hiện tượng ưu thế lai II. Nguyên nhân của hiện tượng ưu thế lai III. Các biện pháp tạo ưu thế lai | - HS trình bày được khái niệm ưu thế lai, cơ sở di truyền của hiện tượng ưu thế lai. - Trình bày được các phương pháp thường dùng để tạo ưu thế lai. - Hiểu và trình bày được khái niệm lai kinh tế và phương pháp thường dùng để tạo cơ thể lai kinh tế ở nước ta. | Dạy học trên lớp |
| 20 | 39 | Bài 39: Thực hành - Tìm hiểu thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng | | - HS biết các sưu tầm tư liệu. - HS biết cách trưng bày tư liệu theo các chủ đề | Dạy học trên lớp |
| 20 | 40 | Bài 40: Ôn tập phần di truyền và biến dị | I. Hệ thống hóa kiến thức II. Câu hỏi ôn tập | Hệ thống các quy luật di truyền, nguyên phân, giảm phân - Cấu trúc và chức năng của ADN, ARN và prôtein - Nắm được các dạng đột biến | Dạy học trên lớp |
| 21 | 41 | Bài 41: Môi trường và các nhân tố sinh thái | I. Môi trường sống của sinh vật II. Các nhân tố sinh thái của môi trường III. Giới hạn sinh thái | - HS nêu được khái niệm chung về môi trường, các loại môi trường sống của sinh vật. Cho ví dụ. - Phân biệt được các nhân tố sinh thái vô sinh, nhân tố sinh thái hữu sinh. - HS trình bày được khái niệm về giới hạn sinh thái. | Dạy học trên lớp |

| | | | | | |
|----|----------|--|--|--|------------------|
| 21 | 42 | Bài 42: Ảnh hưởng của ánh sáng tới đời sống sinh vật | I. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống thực vật II. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống động vật | - HS nêu được ảnh hưởng của nhân tố sinh thái ánh sáng đến các đặc điểm hình thái, giải phẫu, sinh lý và tập tính của sinh vật. - HS giải thích được sự thích nghi của sinh vật. - Nêu được các nhóm sinh vật và đặc điểm của chúng. | |
| 22 | 43 | Bài 43: Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật | I. Ảnh hưởng của nhiệt độ lên đời sống sinh vật II. Ảnh hưởng của độ ẩm lên đời sống sinh vật | - Học sinh nêu được sự ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên các đặc điểm hình thái, sinh lý & tập tính của sinh vật. - HS giải thích được sự thích nghi của sinh vật. - Nêu được các nhóm sinh vật và đặc điểm của từng nhóm. | Dạy học trên lớp |
| 22 | 44 | Bài 44: Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật | I. Quan hệ cùng loài II. Quan hệ khác loài | - HS hiểu và trình bày được thế nào là nhân tố sinh vật. - Nêu được quan hệ giữa các sinh vật cùng loài và khác loài. Đặc điểm các mối quan hệ đó. | Dạy học trên lớp |
| 23 | 45 46 | Bài 45- 46: Thực hành - Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật. | I. Tìm hiểu môi trường sống của sinh vật II. Tìm hiểu ảnh hưởng của ánh sáng tới hình thái lá cây III. Tìm hiểu môi trường sống của động vật IV. Viết thu hoạch | - Nêu được những dẫn chứng về ảnh hưởng của nhân tố sinh thái ánh sáng và độ ẩm lên đời sống sinh vật ở môi trường đã quan sát. - Nêu được những dẫn chứng về ảnh hưởng của nhân tố sinh thái ánh sáng và độ ẩm lên đời sống sinh vật ở môi trường đã quan sát. | Dạy học trên lớp |
| 24 | 47 | Bài 47: Quần thể sinh vật | I. Thế nào là một quần thể sinh vật II. Những đặc trưng cơ bản của quần thể III. Ảnh hưởng của môi trường tới quần thể sinh vật | - Nêu được khái niệm, cách nhận biết quần thể sinh vật, lấy VD. - Chỉ ra được các đặc trưng cơ bản của quần thể từ đó thấy được ý nghĩa thực tiễn của nó. | Dạy học trên lớp |
| 24 | 48 | Bài 48: Quần thể người | I. Sự khác nhau giữa quần thể người với các quần thể sinh vật khác III. Tăng dân số và phát triển xã | - Nêu được 1 số đặc điểm cơ bản của quần thể người liên quan đến vấn đề dân số. - Từ đó thay đổi nhận thức dân số và phát triển xã hội, giúp cán bộ với mọi người dân thực hiện tốt pháp lệnh dân số. | Dạy học trên lớp |

| | | | | | |
|----|----|---|--|---|------------------|
| | | | hội | | |
| 25 | 49 | Bài 49: Quần xã sinh vật | I. Thế nào là quần xã sinh vật II. Dấu hiệu điển hình của quần xã sinh vật III. Quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã | - Trình bày được kn quần xã, phân biệt quần xã với quần thể. VD minh họa các mối liên hệ sinh thái trong quần xã. - Mô tả được 1 số biến đổi phổ biến của quần xã trong tự nhiên, biến đổi quần xã thường dẫn tới sự ổn định | Dạy học trên lớp |
| 25 | 50 | Bài 50: Hệ sinh thái | I. Thế nào là một hệ sinh thái II. Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn | - Hiểu được khái niệm HST, nhận biết được HST trong thiên nhiên. Nắm được chuỗi thức ăn, lưới thức ăn, cho VD. | Dạy học trên lớp |
| 26 | 51 | Bài 51: Thực hành - Hệ sinh thái | I. Hệ sinh thái. II. Xác định thành phần trong khu vực quan sát. III. Hoàn thành báo cáo | - Nêu được các thành phần của HST và 1 chuỗi thức ăn. | Dạy học trên lớp |
| 26 | 52 | Ôn tập giữa học kì II | I. Hệ thống hóa kiến thức II. Trả lời câu hỏi BT | - Củng cố kiến thức về chương Sinh vật và môi trường, chương Hệ sinh thái - Trình bày được những kiến thức cơ bản đã học theo hệ thống. | Dạy học trên lớp |
| 27 | 53 | Kiểm tra giữa học kì II | - Đề - Ma trận - Đáp án | - Kiểm tra. Đánh giá kết quả học tập của HS - Rèn kỹ năng tư duy, thu thập thông tin, khái quát hóa, hệ thống hóa các kiến thức, vận dụng kiến thức vào thực tế để giải thích các hiện tượng liên quan, rèn kỹ năng làm bài bằng phương pháp trắc nghiệm và tự luận. - Giáo dục thái độ học tập nghiêm túc, trung thực. | Dạy học trên lớp |
| 27 | 54 | Bài 51+52. Thực hành - Hệ sinh thái (tiếp theo) | I. Xây dựng chuỗi thức ăn, lưới thức ăn. II. Thu hoạch, báo cáo | - Nêu được các thành phần của HST và 1 chuỗi thức ăn. | Dạy học trên lớp |
| 28 | 55 | Bài 53: Tác động của con người đối với môi trường | I. Tác động của con người tới môi trường qua các thời kì phát triển của xã hội | - Chỉ ra được hoạt động của con người làm thay đổi thiên nhiên ở mỗi giai đoạn. - Chỉ ra được hậu quả do phá rừng của con người. | Dạy học trên lớp |

| | | | | | |
|----------|----------|--|--|--|------------------|
| | | | <p>II. Tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên</p> <p>III. Vai trò của con người trong việc bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên</p> | - Nêu được những biện pháp nhằm khắc phục môi trường. | |
| 28 29 | 56 57 | Bài 54,55: Ô nhiễm môi trường | <p>I. Ô nhiễm môi trường là gì</p> <p>II. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường</p> <p>III. Hạn chế ô nhiễm môi trường</p> | <p>- Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường.</p> <p>- Nêu được các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và tác hại của ô nhiễm môi trường.</p> <p>- Hiểu được hiệu quả của việc phát triển môi trường bền vững, qua đó nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.</p> <p>- HS nêu được các biện pháp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường và hậu quả của ô nhiễm môi trường.</p> | Dạy học trên lớp |
| 29 30 | 58 59 | Bài 56+57: Thực hành - Tìm hiểu tình hình môi trường địa phương. | <p>I. Hướng dẫn điều tra tình ô nhiễm môi trường</p> <p>II. Học sinh tiến hành điều tra, thu thập thông tin</p> <p>III. Học sinh báo cáo kết quả</p> | <p>- Liên hệ và vận dụng giải thích một số vấn đề liên quan ô nhiễm môi trường ở địa phương và từ đó đề xuất được các biện pháp khắc phục.</p> <p>- HS chỉ ra được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở địa phương và từ đó đề xuất được các biện pháp khắc phục.</p> | Dạy học trên lớp |
| 30 | 60 | Bài 58: Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. | <p>I. Các dạng TNTN chủ yếu</p> <p>II. Sử dụng hợp lý TNTN</p> | - Phân biệt được và lấy VD minh họa các dạng tài nguyên thiên nhiên. Trình bày được tầm quan trọng và tác dụng của việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. | Dạy học trên lớp |
| 31 | 61 | Bài 59: Khôi phục môi trường và giữ gìn thiên nhiên hoang dã. | <p>I. Ý nghĩa của việc khôi phục môi trường và giữ gìn thiên nhiên hoang dã</p> <p>II. Các biện pháp bảo vệ thiên nhiên</p> | <p>- Giải thích được vì sao cần khôi phục mt, giữ gìn thiên nhiên hoang dã, đồng thời nêu được ý nghĩa của các biện pháp bảo vệ thiên nhiên hoang dã.</p> <p>- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.</p> | Dạy học trên lớp |
| 31 | 62 | Bài 60: Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái. | <p>I. Sự đa dạng các hệ sinh thái</p> <p>II. Bảo vệ các hệ sinh thái.</p> | <p>- Đưa ra được VD minh họa các kiểu HST chủ yếu.</p> <p>- Trình bày được hiệu quả của các biện pháp bảo vệ đa dạng các HST, từ đó đề xuất được hững biện pháp bảo vệ phù hợp với hoàn cảnh của địa phương.</p> | Dạy học trên lớp |

| | | | | | |
|----|----------|---|--|--|------------------|
| 32 | 63 | Bài 61: Luật Bảo vệ môi trường | I. Sự cần thiết ban hành luật: II. Một số nội dung cơ bản của Luật Bảo vệ môi trường ở Việt Nam III. Trách nhiệm của mỗi người trong việc chấp hành Luật bảo vệ môi trường | - Nắm được sự cần thiết phải có luật BVMT - Những nội dung chính của luật BVMT - Trách nhiệm của mỗi HS nói riêng, mỗi người dân nói chung trong việc chấp hành luật. | Dạy học trên lớp |
| 32 | 64 | Bài 62. Thực hành: Vận dụng luật môi trường | Nội dung bài tập về hệ sinh thái và giới hạn sinh thái. | Vận dụng được những nội dung cơ bản của luật Bảo vệ môi trường vào tình hình cụ thể của địa phương. | Dạy học trên lớp |
| 33 | 65 66 | Tổng kết chương trình toàn cấp | I. Đa dạng sinh học II. Tiến hóa của thực vật và động vật III. Sinh học cơ thể IV. Sinh học tế bào V. Di truyền và biến dị VI. Sinh vật và môi trường | - HS hệ thống hóa kiến thức sinh học về các nhóm sinh vật, đặc điểm các nhóm thực vật và các nhóm động vật. - Nắm được sự tiến hóa của giới động vật, sự phát sinh, phát triển của thực vật. - củng cố kiến thức phần sinh học cơ thể và sinh học TB Củng cố và khắc sâu kiến thức phần di truyền và biến dị, phần sinh vật và môi trường | Dạy học trên lớp |
| 34 | 67 68 | Ôn tập HKII | - Hệ thống hoá kiến thức - Câu hỏi ôn tập | Nhằm củng cố, khắc sâu kiến thức cho HS | Dạy học trên lớp |
| 35 | 69 | Kiểm tra cuối HKII | - Đề - Ma trận - Đáp án | - Kiểm tra. Đánh giá kết quả học tập của HS | Dạy học trên lớp |
| 35 | 70 | Trả bài kiểm tra | | | |

Tam Mỹ Tây, ngày 07 tháng 09 năm 2023

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG

NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

TRẦN MINH TÚ

ĐỖ HỒNG BẢO THIÊN


DƯƠNG THỊ VI